

TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HOÀNG THỊ KIM OANH*

Tóm tắt: Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế chỉ thực sự mang lại hiệu quả nếu các quốc gia chủ động và tích cực nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức. Nhà nước Việt Nam có vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế. Nhà nước đã xây dựng kế hoạch, lộ trình hội nhập quốc tế phù hợp; tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế; chỉ đạo kết hợp tốt nội lực với ngoại lực; hoàn thiện hệ thống pháp luật theo chuẩn mực quốc tế... Nhờ đó Việt Nam là một trong những quốc gia gặt hái được nhiều thành tựu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ khóa: Hội nhập kinh tế quốc tế, tính chủ động của nhà nước, Việt Nam.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế khách quan của kinh tế thế giới đương đại. Hội nhập kinh tế quốc tế là tiến trình nhất thể hoá nền kinh tế thế giới, xoá bỏ những khác biệt về kinh tế giữa các quốc gia và khu vực, là quá trình “hoá thân” một cách chủ động của mỗi nước, mỗi khu vực vào trong các thực thể khu vực và toàn cầu⁽¹⁾. Đó là quá trình các quốc gia chủ động, tự nguyện tiến hành mở cửa để gắn kết nền kinh tế với khu vực và toàn cầu theo những mục tiêu, định hướng, phạm vi, cấp độ, lộ trình, phương thức khác nhau phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia; là quá trình các quốc gia thực hiện chính sách kinh tế mở, thúc đẩy tự do hoá thương mại, huy động và chia sẻ các nguồn lực cũng như các lợi ích, ký kết, tham gia, tuân thủ và góp phần xây dựng các định chế, thể chế kinh tế tài

chính khu vực và quốc tế trên nguyên tắc tự do hoá, giảm thiểu khác biệt và không phân biệt đối xử vì mục tiêu hợp tác và phát triển chung cho mọi quốc gia... Hội nhập kinh tế quốc tế có thể tạo điều kiện cho các quốc gia tiếp nhận được nhiều cơ hội phát triển, huy động được nhiều nguồn lực, tranh thủ được nhiều sự hỗ trợ từ bên ngoài cho quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trên thực tế, đã có nhiều quốc gia đạt được những thành tựu to lớn, có được những bứt phá ngoạn mục trên con đường phát triển kinh tế do biết tranh thủ tận dụng tốt những cơ may, vận hội từ tiến trình

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên) (2007), *Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 22, 23.

hội nhập. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế không phải chỉ là “cỗ xe màu hồng” luôn mang đến những điều tốt đẹp. Bên cạnh vô số những cơ may, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng khiến các quốc gia phải đối mặt với muôn vàn những khó khăn, thách thức (đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế kém phát triển) như dễ bị thua thiệt, tổn thất trong cơ chế cạnh tranh khốc liệt của thương trường quốc tế theo cơ chế cá lớn nuốt cá bé; chịu nhiều thiệt thòi thậm chí là bất công từ những định chế kinh tế tài chính quốc tế (thường do các quốc gia lớn, có nền kinh tế phát triển đề ra, chi phối, áp đặt theo hướng có lợi cho họ); dễ phải hứng chịu những ảnh hưởng, tác động xấu của những cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế từ các nền kinh tế lớn... Song, không phải mọi quốc gia khi tham gia tiến trình hội nhập đều cùng nhận được những cơ may hay cùng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức ngang nhau. Thực tế cho thấy, quá trình hội nhập quốc tế ở mỗi quốc gia có thành công hay không tùy thuộc rất lớn vào năng lực nhận thức và hành động của quốc gia đó. Quốc gia nào có chính sách hội nhập đúng đắn, có lộ trình tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới một cách phù hợp, biết chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội ứng phó nhanh nhạy, linh hoạt với những rủi ro, thì sẽ gặt hái được nhiều thành công, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Ngược lại, quốc gia nào còn lúng túng, chậm chạp, chần chừ

trong việc hoạch định kế hoạch, tổ chức hành động... thì sẽ phải hứng chịu nhiều tổn thất, bị thua thiệt trên nhiều phương diện. Hiệu quả của quá trình hội nhập nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng ở mỗi quốc gia phụ thuộc rất lớn vào sự chủ động, tích cực hội nhập của các quốc gia đó.

Nhận thức rõ những lợi ích to lớn từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, những năm qua, Nhà nước ta đã rất coi trọng việc mở rộng quan hệ đối ngoại đồng thời luôn có những chỉ đạo tích cực nhằm đưa nền kinh tế nước ta hội nhập một cách sâu rộng và hiệu quả vào nền kinh tế thế giới, hoà nhịp với trào lưu phát triển kinh tế chung của nhân loại, “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽²⁾. Tính chủ động của Nhà nước trong hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện ở những điểm như sau:

Thứ nhất, Nhà nước xây dựng chương trình, chiến lược, kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế theo từng giai đoạn, lộ trình với những mục tiêu, yêu cầu cụ thể trên cơ sở thực tiễn đất nước và bối cảnh thời đại. Để chủ động và tích cực hội nhập, phát huy tốt nội lực, đồng thời

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 120.

khai thác tối đa ngoại lực cho công cuộc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, điều quan trọng là cần phải có những chương trình, kế hoạch hội nhập kinh tế cụ thể theo những giai đoạn, thời kỳ nhất định, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu hội nhập một cách rõ ràng, đồng thời lựa chọn những biện pháp, cách thức tổ chức thực hiện một cách hiệu quả nhất. Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo của Đảng trong các Văn kiện Đại hội X, XI, đặc biệt là trong Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước xây dựng và triển khai các chiến lược, nghị quyết, chương trình hành động về công tác hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch nhằm đẩy mạnh công tác hội nhập kinh tế quốc tế theo những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, đảm bảo sự chủ động và tích cực trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, không do dự chần chừ nhưng cũng không nóng vội giản đơn. Nhà nước chỉ đạo các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở quán triệt quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về lộ trình, kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong từng giai đoạn; giao cho các Bộ, Ngành, địa phương xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án hội nhập kinh tế quốc tế với nội dung, bước đi phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc

tế; xây dựng chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, như: Quyết định số 37/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 27 tháng 11 năm 2001 của Bộ Chính trị về Hội nhập kinh tế quốc tế; Nghị quyết 16/2007/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng (tháng 1 năm 2012) về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong đó chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương xây dựng chương trình hành động chủ động, tích cực triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, xây dựng Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020; yêu cầu các Bộ, Ngành, địa phương thực hiện đánh giá, định hướng, đề xuất phương án, lộ trình hội nhập quốc tế giai đoạn 2011-2015; các Bộ, cơ quan liên quan cụ thể hóa các nhiệm vụ về đối ngoại và hội nhập quốc tế trong Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2015, đề xuất chủ trương và lộ trình thực hiện các cam kết, đàm phán quốc tế⁽³⁾ trên tinh thần xác định rõ “hội nhập

kinh tế quốc tế là trọng tâm”⁽⁴⁾, là nội dung cốt lõi của toàn bộ tiến trình hội nhập ở nước ta.

Bên cạnh đó, Nhà nước còn giao cho các Bộ, ngành thường xuyên tổng hợp tình hình thực tế, đề xuất những chính sách điều chỉnh, thay đổi phương thức, cách thức thực hiện hội nhập kinh tế cho phù hợp với những biến động của thực tiễn trong và ngoài nước. Đồng thời, thông qua các cơ quan của mình, Nhà nước cũng dự báo nhanh được xu hướng vận động, những tình huống khó khăn hay những thời cơ thuận lợi của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giúp các chủ thể kinh tế trong nước kịp thời, chủ động nắm bắt, ứng phó, tránh những thiệt hại, tổn thất. Nhờ những chính sách chỉ đạo, điều hành đúng đắn, phù hợp của Nhà nước mà công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta nói riêng, hội nhập quốc tế nói chung đã thu được những kết quả đáng khích lệ theo hướng ngày càng chủ động và tích cực hơn, mức độ và qui mô hội nhập ngày càng sâu rộng hơn, nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, ứng phó có hiệu quả với những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới (bình quân 5 năm 2005 - 2010 đạt 7%, ngay cả trong bối cảnh chịu tác động xấu từ cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu

năm 2008, thì GDP năm 2012 và 2013 của Việt Nam vẫn tăng từ 5,25 lên 5,4%)⁽⁵⁾, thế và lực của nền kinh tế ngày càng vững mạnh, uy tín trên trường quốc tế ngày càng nâng cao.

Thứ hai, Nhà nước đề ra chính sách và chủ động thực hiện mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tăng cường thu hút các chương trình, dự án hợp tác kinh tế quốc tế, đầu tư nước ngoài, đàm phán, ký kết các hiệp định, qui chế quốc tế và tích cực tham gia các tổ chức kinh tế tài chính quốc tế... Điều đó nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế của đất nước có cơ hội mở rộng hợp tác, liên kết, khai thác những nguồn lực, lợi ích to lớn từ các quốc gia có nền kinh tế phát triển, học hỏi kinh nghiệm tổ chức, điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả, đồng thời tranh thủ tiếp nhận các thành quả chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại cho mục tiêu thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, trao đổi thương mại.

Nhiều năm qua, Nhà nước đã không ngừng đẩy mạnh các hoạt động tăng

⁽³⁾ Theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 9 tháng 1 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, “Về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, <http://vanban.chinhphu.vn>.

⁽⁴⁾ Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế, <http://www.mofahcm.gov.vn>.

⁽⁵⁾ Theo “Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015”, <http://baodientu.chinhphu.vn>.

cường mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế với nhiều quốc gia, châu lục trên thế giới, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực theo phương châm “đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại”, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia trên thế giới, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hoá tới trên 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ, có mối quan hệ tích cực với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Phát triển Á Châu, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới..., tham gia các tổ chức kinh tế, thương mại khu vực và thế giới, gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC); thiết lập quan hệ đối tác toàn diện và đối tác chiến lược với nhiều quốc gia phát triển, tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy các vấn đề thuộc lợi ích chiến lược của nước ta...⁽⁶⁾. Nhà nước cũng đại diện cho các chủ thể kinh tế trong nước tham gia ký kết các văn bản, hiệp định, qui chế, hiệp ước kinh tế quan trọng, tham gia xây dựng các qui tắc, định chế, chuẩn mực luật pháp kinh tế,... theo hướng bảo vệ lợi ích tối đa cho các chủ thể kinh tế trong nước, giảm thiểu sự “ép buộc” trong các quan hệ kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó, các chủ

thể kinh tế trong nước có thể dễ dàng hơn trong việc tuân thủ, thực hiện các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập, không bị “chèn ép”, bị thua thiệt, hoặc phải chấp nhận những sự cạnh tranh bất bình đẳng trong các quan hệ kinh tế quốc tế. Việt Nam đã ký kết trên 90 Hiệp định Thương mại song phương, gần 60 Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư, tham gia thiết lập Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với 15 nước trong khung khổ của 6 FTA khu vực (Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc, Khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc, Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc và Niu Dilân, Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ), ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê... Hiện tại, Việt Nam đang triển khai đàm phán FTA với một số đối tác như EFTA (bao gồm 4 nước là Thụy Sĩ, Na Uy, Liechtenstein và Aixolen); Liên minh Thuế quan (bao gồm 3 nước là Nga, Belarus và Kazakhstan); Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh Châu Âu (EU), Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ; Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP)⁽⁷⁾... Bên cạnh đó, Nhà nước cũng tăng cường thực hiện

^{(6), (7)} Theo Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, “Những thành tựu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”, <http://www.nciec.gov.vn>, ngày 7 tháng 2 năm 2012.

các biện pháp tự do hoá và thuận lợi hoá đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, dành cho các nhà đầu tư nước ngoài quy chế đãi ngộ quốc gia. Vì vậy, hàng năm, rất nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhiều chương trình hợp tác, dự án hỗ trợ từ nhiều tổ chức, quốc gia trên thế giới đã được Nhà nước tiếp nhận, ký kết mang lại động lực lớn cho nền kinh tế, kích thích các chủ thể kinh tế tích cực, nỗ lực, chủ động chuẩn bị các điều kiện để đón nhận cơ hội mở rộng hợp tác, gặt hái những thành công. Tính đến hết tháng 2/2013 Việt Nam đã thu hút được 14.550 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đạt gần 211 tỷ USD, vốn thực hiện đạt gần 100 tỷ USD. FDI đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, tỷ trọng đóng góp vào GDP tăng dần theo từng năm và đã đạt khoảng 19% vào năm 2011; FDI đã bổ sung nguồn vốn quan trọng cho nền kinh tế (hiện chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư xã hội), khơi dậy và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước; gia tăng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 64% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012), đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách (14,2 tỷ USD trong giai đoạn 2001-2010, riêng năm 2012 đóng góp khoảng 3,7 tỷ USD)⁽⁸⁾. Việt Nam là quốc gia được các tổ chức quốc tế đánh giá cao về những nỗ lực thực hiện hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Thứ ba, Nhà nước thực hiện đổi mới

thể chế kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới các công cụ quản lý kinh tế; nỗ lực cải cách hành chính, nâng cao trình độ năng lực tổ chức, quản lý điều hành kinh tế của Nhà nước; phát triển đồng bộ các loại thị trường, tích cực cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng, tín dụng... Điều đó tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế giữa các chủ thể kinh tế trong và ngoài nước.

Nhà nước đã thực hiện chính sách đổi mới mạnh mẽ thể chế kinh tế, chuyển từ cơ chế kinh tế bao cấp hiện vật sang cơ chế kinh tế thị trường (đến nay, nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đang dần hoàn thiện và đã có 37 quốc gia công nhận nền kinh tế thị trường ở Việt Nam như Trung Quốc, Nga, Úc, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thụy Sĩ...⁽⁹⁾), cơ cấu kinh tế cũng được chỉ đạo dịch chuyển mạnh mẽ theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ (tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 60,2% năm 2010 lên khoảng 78% năm 2013...⁽¹⁰⁾), phát huy các thế mạnh, các lợi thế so sánh quốc tế của đất nước, gắn

⁽⁸⁾ Theo “Báo cáo Tổng kết 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam (kể từ năm 1987)”, <http://baodientu.chinhphu.vn>.

⁽⁹⁾ Theo nguồn: *Hội đồng tư vấn các biện pháp phòng vệ thương mại* - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), <http://vcci.com.vn>.

⁽¹⁰⁾ Theo “Những thành tựu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”, <http://www.mofahcm.gov.vn>.

với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước. Nhà nước cũng tích cực đổi mới, hoàn thiện các chính sách, công cụ quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô; hạn chế sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước trong các hoạt động kinh tế; tách chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế, chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước với chức năng kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện dỡ bỏ những rào cản thương mại và đầu tư, giảm và dần xoá bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan (Trong WTO, cam kết ràng buộc với toàn bộ biểu thuế nhập khẩu hiện hành gồm 10.600 dòng thuế, thuế suất cam kết bình quân giảm 23%, cắt giảm thuế với khoảng 3800 dòng thuế; trong AFTA, thực hiện giảm thuế quan vào 1996, đưa mức thuế suất xuống còn 0-5% vào năm 2005 đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước ASEAN và đạt 100% số dòng thuế ở mức 0% vào năm 2015, xoá bỏ các hạn chế về định lượng đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước ASEAN và tiến tới xoá bỏ các hàng rào phi thuế quan khác; trong APEC, về cơ bản thực hiện mức thuế suất 0% vào 2020; Theo Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ, cắt giảm thuế quan đối với khoảng 400 dòng thuế theo những lộ trình khác nhau...⁽¹¹⁾). Nhà nước cũng đẩy mạnh triển khai các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường, trong đó quan tâm nhiều đến thị trường hàng hoá, dịch vụ, thị trường tiền tệ, thị trường

vốn, thị trường công nghệ,...; tích cực đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hệ thống ngân hàng, tín dụng, áp dụng các mô thức quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế; triển khai hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; thực hiện chính sách tiền tệ thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường; tạo môi trường kinh tế thuận lợi, hỗ trợ cho các chủ thể kinh tế tự do tham gia, cạnh tranh và phát triển bình đẳng; tích cực phát huy tối đa những nguồn lực sẵn có và nỗ lực khai thác triệt để những lợi thế từ bên ngoài, đảm bảo cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra thuận lợi, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng nỗ lực thực hiện cải cách hành chính theo hướng xây dựng một nền hành chính vững mạnh, trong sạch, hiệu quả; giảm thiểu các thủ tục hành chính phiền hà; đơn giản hoá thủ tục và qui trình cấp phép đầu tư, kinh doanh; bãi bỏ các loại phí và lệ phí không phù hợp nhằm hỗ trợ cho các chủ thể kinh tế trong hoạt động kinh doanh, hợp tác kinh tế quốc tế.

Thứ tư, Nhà nước xây dựng kế hoạch và các biện pháp phát triển kinh tế trong nước theo từng giai đoạn cụ thể theo hướng khai thác tối đa nguồn nội lực với ngoại lực nhằm thúc đẩy mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng

⁽¹¹⁾ Phạm Quốc Trụ, “Nhìn lại quá trình Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam những năm qua và triển vọng” <http://www.mofahcm.gov.vn>.

hàng hoá, dịch vụ; chuẩn bị tốt các điều kiện, tiền đề để chủ động đón nhận các thời cơ, gạt hái nhiều lợi ích trong quá trình hội nhập; đồng thời cũng sẵn sàng ứng phó, phòng tránh hoặc giảm thiểu những rủi ro, tổn thất không mong muốn.

Trên cơ sở những định hướng phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đề ra các chính sách phát triển kinh tế trong những giai đoạn, thời kỳ phù hợp theo từng lĩnh vực, ngành nghề, vùng miền, địa phương; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo hướng khai thác tối đa các nguồn lực, những lợi thế, tiềm năng của mọi lĩnh vực, ngành nghề, đơn vị kinh tế như: xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế trong 5 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn, những mục tiêu cần thực hiện trong 10 năm, 20 năm và hàng loạt những kế hoạch phát triển kinh tế với những chỉ tiêu cụ thể, rõ ràng trong từng năm. Đồng thời, Nhà nước xây dựng kế hoạch chỉ đạo phát triển những vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm, đặc khu kinh tế, chiến lược phát triển các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, cần ưu tiên, chú trọng đầu tư. Nhờ những chính sách chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ, tạo điều kiện đầu tư nguồn lực của Nhà nước phù hợp và tích cực, đến nay các vùng miền kinh tế trong cả nước đã có những thành tựu phát triển đáng

mừng, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế, tạo tiềm lực kinh tế tốt, nâng cao vị thế, tầm ảnh hưởng của nước ta trên trường quốc tế, hấp dẫn các nguồn đầu tư từ bên ngoài, tạo thêm nhiều cơ hội tiếp nhận các lợi ích to lớn từ tiến trình hội nhập ngay cả trong những giai đoạn khó khăn của kinh tế toàn cầu như hiện nay. Hơn thế, nhờ những tiềm lực phát triển kinh tế như vậy, các chủ thể kinh tế cũng dễ dàng hơn trong việc “chèo chống”, ứng phó với những bất lợi, tác động xấu của khủng hoảng kinh tế thế giới từ năm 2008 đến nay, giảm thiểu những tổn thất, thiệt hại. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 730 USD năm 2006 lên 1.914 USD năm 2013⁽¹²⁾, kinh tế các vùng miền có những phát triển đáng kể; xuất nhập khẩu gia tăng, cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt (giai đoạn 2001 - 2010 kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng trưởng bình quân 17,42%, giai đoạn 2007 - 2010 xuất khẩu tăng bình quân 14%, nhập khẩu tăng bình quân 11%⁽¹³⁾; bình quân 3 năm (2011-2013) xuất khẩu tăng 22%/năm⁽¹⁴⁾), quan hệ

⁽¹²⁾ <http://baodientu.chinhphu.vn/Gop-y-Hien-ke/GDP-binh-quan-dau-nguoi-dang-tien-toi-moc-1900-USD>.

⁽¹³⁾ Theo “Những thành tựu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”, <http://www.mofahcm.gov.vn>.

⁽¹⁴⁾ Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015, <http://chinhphu.vn>.

thương mại và đầu tư tiếp tục được mở rộng với hầu hết các quốc gia và nền kinh tế, nhiều doanh nghiệp và sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam được ghi nhận đánh giá cao trên trường quốc tế. Thành tựu đó đã cho thấy vai trò to lớn của Nhà nước trong chỉ đạo, điều hành nền kinh tế, khơi dậy và phát huy tối đa nguồn nội lực đồng thời tranh thủ tốt những cơ may, biến ngoại lực thành nội lực trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế thời gian qua.

Thứ năm, Nhà nước hoàn thiện hệ thống khuôn khổ pháp luật về hội nhập tạo môi trường pháp lý thông thoáng, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế không thể tiến hành một cách chủ động, tích cực trong môi trường pháp luật, khuôn khổ pháp lý “chật hẹp”, “gò bó”, hệ thống văn bản pháp luật vừa thiếu, vừa không rõ ràng, vừa nhiều tầng nấc chồng chéo khó thực hiện. Do đó, Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, chuẩn xác, dễ thực thi không chỉ đối với các chủ thể kinh tế trong nước mà đối với cả các chủ thể kinh tế ngoài nước. Hệ thống luật pháp đó không chỉ phù hợp với định hướng, mục tiêu của nền kinh tế mà còn phải đáp ứng các yêu cầu và phù hợp với các qui tắc, chuẩn mực, thông lệ quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế dễ dàng tuân thủ các qui định

luật pháp trong nước, hạn chế tình trạng lách luật làm ăn phi pháp, đồng thời cũng tránh được tình trạng các chủ thể kinh tế phải chịu cảnh “một cổ nhiều tròng” (tức là tình trạng phải thực hiện nhiều qui định luật pháp chồng chéo, bất hợp lý, mất nhiều công sức, tiền của, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và tâm lý của các nhà đầu tư nói riêng, ảnh hưởng đến tính chủ động và tích cực trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung). Những năm qua, Nhà nước đã thường xuyên thay đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thuận lợi cho các chủ thể kinh tế tham gia hội nhập. Nhà nước đã ban hành và thực thi nhiều văn bản pháp luật dưới dạng bộ luật, luật, pháp lệnh; đồng thời thường xuyên có những điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Về cơ bản, đến nay khung pháp luật đáp ứng yêu cầu hội nhập ở nước ta đã được hình thành với hệ thống các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Thuế, Luật Giá, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng và rất nhiều pháp lệnh, nghị định, văn bản qui định pháp luật theo hướng tạo điều kiện hỗ trợ về mặt pháp lý tốt nhất cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế (như: Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Pháp lệnh ngoại hối, Pháp lệnh ký kết

và thoả thuận quốc tế, Nghị định về quản lý xuất nhập khẩu,...). Hàng loạt văn bản, nghị định hướng dẫn thi hành các luật cũng được ban hành (như: Nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, các Luật thuế...). Điều đó đã góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi và tổ chức thực thi luật một cách hiệu quả trong suốt tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

Thứ sáu, Nhà nước tích cực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu tiến trình hội nhập, hỗ trợ các chủ thể kinh tế chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đạt hiệu quả cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở (giao thông, năng lượng, viễn thông, các công trình nhà kho bến bãi,...) là yếu tố góp phần quan trọng vào hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tạo điều kiện tốt cho các chủ thể kinh tế thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, mở rộng sản xuất, thu hút được nhiều nguồn lực từ bên ngoài cũng như khai thác được những thế mạnh từ bên trong. Việc xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng đó chỉ có thể được thực hiện thông qua vai trò của Nhà nước trên cơ sở huy động các nguồn lực trong nước kết hợp với kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức kinh tế tài chính quốc tế. Trong những năm qua, Nhà nước đã tích cực triển khai nhiều biện pháp huy động đầu tư phát triển hệ

thống kết cấu hạ tầng kinh tế từng bước đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập. Tổng mức đầu tư dành cho kết cấu hạ tầng trong những năm qua bình quân khoảng 10% GDP, mức cao so với nhiều quốc gia. Nhà nước đã đầu tư xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập; hỗ trợ các chủ thể kinh tế trong việc thực hiện chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được xây dựng, nâng cấp nhanh chóng. Mạng lưới các tuyến đường nối liền các tỉnh thành được xây dựng. Hàng loạt cầu lớn được xây dựng ở hầu khắp các tỉnh thành như cầu Mỹ Thuận, Kiên, Bãi Cháy, Thanh Trì, Bính, Rạch Miễu, Cần Thơ. Nhiều hầm đường bộ cũng được xây dựng (như hầm Hải Vân, hầm đèo Ngang, các hầm trên đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường cao tốc lớn như Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lạng Sơn, Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai...)⁽¹⁵⁾. Hệ thống các sân bay, bến cảng lớn cũng được đầu tư xây dựng ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,... Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hợp tác kinh tế,

⁽¹⁵⁾ Theo Báo cáo tổng hợp của Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông Vận tải, <http://www.tdsi.gov.vn>.

trao đổi thương mại, thu hút luồng vốn đầu tư; phát triển các vùng miền kinh tế. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng viễn thông, cung cấp năng lượng cũng ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của quá trình hội nhập. Hệ thống kết cấu hạ tầng công nghệ viễn thông cũng đạt tốc độ phát triển nhanh chóng theo hướng ngày càng tiên tiến, hiện đại, tạo điều kiện hỗ trợ chủ thể kinh tế chủ động nắm bắt được những thông tin liên quan đến quá trình hội nhập nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng. Nhờ đó, các chủ thể kinh tế có thể cân nhắc, tính toán, chủ động lựa chọn phương án phát triển sản xuất kinh doanh, tìm kiếm đối tác chiến lược phù hợp, tính toán thời điểm thực hiện các giao dịch kinh tế mang lại hiệu quả cao nhất trong điều kiện cụ thể của mình.

Thứ bảy, Nhà nước tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế. Tiến trình hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng ở nước ta có được triển khai một cách tích cực và chủ động, xây dựng được một nền kinh tế phát triển mạnh và bền vững, phát huy tối đa nội lực, khai thác triệt để ngoại lực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế hay không, điều đó phụ thuộc rất lớn vào chiến lược, chính sách của Nhà nước trong việc xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhận thức rõ điều đó, nhiều năm qua Nhà nước căn cứ vào thực trạng nguồn nhân lực trong nước, cũng như mục tiêu và yêu cầu của tiến trình hội nhập để đề ra các chính sách cụ thể và chỉ đạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Mục tiêu của các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là: nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với bối cảnh thời đại, trình độ khoa học, công nghệ, kỹ thuật ngày càng tiên tiến hiện đại; nâng cao trình độ, năng lực tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh; rèn luyện các kỹ năng, tác phong, làm việc theo những chuẩn mực của nền kinh tế thị trường, sản xuất công nghiệp; nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu mở rộng hợp tác, giao lưu thương mại quốc tế; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong các hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế... Thông qua việc giáo dục, bồi dưỡng nguồn nhân lực như vậy, Nhà nước giúp cho các chủ thể kinh tế có được nguồn nhân lực chất lượng tốt, có trình độ chuyên môn cao, tư duy năng động, linh hoạt, nhạy bén, có thể nhanh chóng, chủ động nắm bắt được nhiều cơ hội thuận lợi, cũng như tận dụng tối đa những cơ may hợp tác, đầu tư, khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, hoặc nhanh nhạy xử lý, giải quyết những tình huống bất lợi, hạn chế những thiệt hại trong suốt lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước không ngừng tăng chi Ngân sách cho giáo dục (từ 8% năm 1990 đã tăng lên 20% năm

2010), chất lượng nguồn nhân lực nước ta đã cải thiện đáng kể, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, thể lực của con người Việt Nam cũng từng bước được nâng lên. Giai đoạn 2008 - 2012, số lượng các cơ sở đào tạo tăng lên đáng kể (trường trung cấp chuyên nghiệp tăng từ 275 lên 294 trường, cao đẳng tăng từ 209 lên 214 trường và đại học từ 160 lên 207 trường), số lượng các ngành đào tạo mới mở cũng tăng lên rất nhanh, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 7,2 triệu người trong tổng số 49,5 triệu lao động, chiếm 14,6% tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước... Hiện tại, Nhà nước đang tiếp tục triển khai nhiều chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020 đặt mục tiêu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%, tương đương 23,5 triệu người vào năm 2015 và 55% vào năm 2020, tương đương 34,4 triệu người⁽¹⁶⁾.

Những phân tích trên cũng cho thấy, Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc đảm bảo và nâng cao hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta. Tuy nhiên, trong thời gian tới Nhà nước cần chủ động và tích cực hơn nữa trong hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng; cần có những thay đổi, điều chỉnh phương thức điều hành, quản lý kinh tế, đổi mới và tăng cường hiệu quả hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực, chất lượng đội

ngũ cán bộ... để tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời gian tới gặt hái nhiều thành tựu phát triển kinh tế to lớn hơn, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh như mong đợi của toàn Đảng và toàn dân.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Ngọc Hòa (chủ biên) (2007), *Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên) (2011), *Độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh (2007), “Vấn đề chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, số 8 (195).
4. Hoàng Ngọc Hòa (2010), “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”, <http://daidoanket.vn>, ngày 13 tháng 12 năm 2010.
5. Nguyễn Thường Lạng (2012), “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để tạo chuyển biến cơ bản trong giáo dục Việt Nam”, <http://tapchicongsan.org.vn>, ngày 13 tháng 8 năm 2012.
6. Lâm Quỳnh Anh, “Những thành tựu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”, <http://www.mofahcm.gov.vn>.

⁽¹⁶⁾ Theo <http://baodientu.chinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Nang-ty-le-lao-dong-duoc-dao-tao-nghe-len-40>.

